

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/DS - PT

Ngày: 03 - 04 - 2025

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: bà Hoàng Ngọc Liễu

Các Thẩm phán: ông Vũ Văn Túc

ông Nguyễn Thanh Tùng

- Thư ký phiên toà: bà Nguyễn Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hoà Bình: ông Lê Quý Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2025/TLPT- DS ngày 24/02/2025 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS - ST ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 03 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Phạm Thị L, sinh năm 1972. Địa chỉ: xóm B, xã B, huyện C, tỉnh Hòa Bình.

2. *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958 và ông Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1956. Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn: ông Phạm Văn S, sinh năm 1968. Cùng địa chỉ: xóm N, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* anh Nguyễn Bá H1, sinh năm 1989 và chị Lục Thị T, sinh năm 1991. Cùng địa chỉ: xóm N, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình.

4. *Người kháng cáo:* các bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hồng Đ.

(Bà L, ông Đ, bà H và ông S có mặt. Chị T và anh H1 có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày: bà L là người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 66, tờ bản đồ số 3, diện tích 147,5m² tại khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T874082, số vào sổ cấp GCN: 01077 do Ủy ban nhân dân huyện K (nay là Ủy ban nhân dân huyện C), tỉnh Hòa Bình cấp ngày 28/01/2002. Thửa đất số 66 giáp với thửa đất của ông Đ, bà H. Khi ông Đ, bà H xây quán, đã lấn chiếm sang diện tích đất nhà bà là 22cm chiều mặt đường Quốc lộ 6, thời điểm này bà đang ở Miền nam nên không biết. Trong quá trình hòa giải tại cơ sở, Ủy ban nhân dân thị trấn C đã cử cán bộ địa chính đến đo đạc và xác nhận gia đình ông Đ có thừa 32cm, mặt đường Quốc lộ so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại buổi hòa giải ông Đ đã công nhận là có lấn sang diện tích đất của bà là 32cm tính theo chiều ngang mặt đường Quốc Lộ 6 chạy dọc theo chiều dài thửa đất, trên diện tích đất lấn chiếm, ông Đ đã xây nhà nên đã hứa sẽ tháo dỡ công trình để trả lại đất cho bà, nhưng sau đó ông Đ và bà H không thực hiện. Theo Kết quả trích đo của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hòa Bình xác định hộ ông Đ và bà H hiện tại đã xây dựng nhà cấp 4 và bán mái lấn chiếm sang đất của bà là 2,1m². Nay, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ và bà H tháo dỡ tường nhà và tường bán mái để trả lại cho bà diện tích 2,1m² đất đã lấn chiếm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hồng Đ trình bày: Ông Đ và bà H là người có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 3, diện tích 119,8m² tại khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hòa Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T874072, số vào sổ cấp GCN: 01082 do Ủy ban nhân dân huyện K (nay là Ủy ban nhân dân huyện C), tỉnh Hòa Bình cấp ngày 28/01/2002. Thửa đất số 67 giáp với thửa đất số 66 của bà Phạm Thị L. Nguồn gốc của thửa đất số 67 là vào năm 2000 gia đình ông Đ và bà H có mua của ông Nguyễn Văn T1, theo số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09827 tại số thửa 70, tờ bản đồ số 01, diện tích 117m² tại khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hòa Bình do Ủy ban nhân dân huyện K (nay là Ủy ban nhân dân huyện C), tỉnh Hòa Bình cấp ngày 8/6/1994, năm 2002 được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 67, khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gia đình không kiểm tra và có mang đi thế chấp tại ngân hàng,

gia đình bà L là người xây nhà trên đất trước, ông Đ và bà H xây nhà sau, trong quá trình xây dựng không ai có ý kiến gì. Nếu theo pháp luật mà ông, bà có lấn chiếm thì sẽ trả lại phần đất đã lấn chiếm đó. Bà H và ông Đ cho rằng bìa đất cấp 1994 mang tên ông Nguyễn Văn T1 và bìa cấp năm 2002 mang tên bà Nguyễn Thị H là không khớp nhau và không có chữ ký giáp danh của các bên. Ông Đ và bà H không đồng ý với việc bà L yêu cầu ông Đ và bà H phải tháo dỡ tường nhà và tường bán mái để trả lại lại 2,1m² đất vì diện tích bìa cũ sai lệch với bìa mới.

Người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn, ông Phạm Văn S trình bày: Về nguồn gốc của đất số 67 là do ông Đ và bà H mua của ông Nguyễn Văn T1, theo sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09827 tại số thửa 70, tờ bản đồ số 01, diện tích 117m² tại khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 8/6/1994, năm 2002 được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa số 67, khi nhận giấy chứng nhận gia đình không kiểm tra và có mang đi thế chấp tại ngân hàng nên không biết là bìa mới được cấp có sai lệch. Đề nghị Tòa xem xét lại nguồn gốc và diện tích đất được cấp lại của hộ bà L, xem diện tích có trùng khớp với nhau không. Ông S không đồng ý với việc bà L yêu cầu các bị đơn phải tháo dỡ tường nhà và tường bán mái để trả lại diện tích 2,1m² đất mà bà L cho rằng phía bị đơn đã lấn chiếm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Bá H1, chị Lục Thị T đều trình bày: Anh H1 và chị T là con của ông Đ và bà H, anh Đ và chị T hiện đang sống cùng với ông Đ và bà H song không có công sức đóng góp gì vào thửa đất số 67 nên xin được từ chối tham gia tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án các thành viên trong gia đình hộ bà Phạm Thị L gồm: Ông Phạm Văn L1 (chủ hộ – bố bà L), bà Đoàn Thị T2 (mẹ bà L), anh Phạm Bá L2 (em trai bà L), chị Phạm Thị L3 (em gái bà L) đều cho rằng thửa đất số 66 là tài sản riêng của bà L, họ không có công sức đóng góp gì vào thửa đất số 66 nên xin được từ chối tham gia tố tụng.

Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 20/5/2022 thể hiện: Trên đất tranh chấp có tường xây nhà cấp 4 do ông Đ và bà H xây dựng vào năm 2001 và bán mái tôn kèo sắt xây dựng vào năm 2014. Tại biên bản làm việc thống nhất về giá, ngày 08/4/2024 giữa các đương sự đều thống nhất giá đất đang có tranh chấp trên thị trường tại thời điểm hiện tại là 15.000.000đ/1m². Nhà cấp 4 xây dựng quá 20 năm, bán mái xây dựng quá 10 năm đã hết giá trị sử dụng nên không tính.

Kết quả trích đo và công văn trả lời của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh H xác định: Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích của thửa đất số 67

của bà H và ông Đ chỉ dẫn, xây dựng lấn chiếm sang thửa đất số 66 của hộ bà Phạm Thị Lụa L 2,1m². Các điểm tứ cạnh được xác định như sau: tại sơ đồ trích phi tỷ lệ từ điểm 3 đến điểm 4 chiều ngang mặt đường Quốc lộ 6 là 22cm; điểm 2 đến điểm 1 chiều ngang phía sau là 13cm; chiều dài từ điểm 3 đến điểm 2 của thửa đất 66 là 12,52m; chiều dài từ điểm 4 đến điểm 1 giáp thửa đất 67 là 12,52m.

Bản án số 03/2025/DS – PT ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hòa Bình, quyết định: Căn cứ khoản 9 điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 163; Điều 164; Điều 166; Điều 174; Điều 175; Điều 176; Điều 186; Điều 579 Bộ luật dân sự 2015. Khoản 1 Điều 73; khoản 1 Điều 79 Luật đất đai năm 1993 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Điều 26; Điều 31; Điều 37; Điều 137 và Điều 236 Luật đất đai năm 2024. Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị L. Buộc ông Nguyễn Hồng Đ và bà Nguyễn Thị H tháo dỡ phần bức tường đầu hồi nhà cấp 4 và tường bán mái xây dựng trên phần đất đã lấn chiếm để trả lại cho bà L tích đất là 2,1m². Các điểm tứ cạnh được xác định như sau: Tại sơ đồ trích phi tỷ lệ từ điểm 3 đến điểm 4 chiều ngang mặt đường Quốc lộ 6 là 22cm; điểm 2 đến điểm 1 chiều ngang phía sau là 13cm; chiều dài từ điểm 3 đến điểm 2 của thửa đất 66 là 12,52m; chiều dài từ điểm 4 đến điểm 1 giáp thửa đất 67 là 12,52m, tại thửa đất số 66, tờ bản đồ số 3, diện tích 147,5m². Địa chỉ thửa đất: khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hòa Bình Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 874082, số vào sổ cấp GCN: 01077 do Ủy ban nhân dân huyện K là Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 28/01/2002. Ngoài ra, bản án còn tuyên về xử lý chi phí tố tụng, lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/01/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã nhận được đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hồng Đ và bà Nguyễn Thị H nội dung: không nhất trí với quyết định trong Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản chất của vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hồng Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Văn S, giữ nguyên các nội dung quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS - ST ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện C. Về án phí: ông Đ, bà H, ông S chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Bà Phạm Thị L kiện ông Nguyễn Hồng Đ và bà Nguyễn Thị H phải trả lại diện tích đất lấn chiếm là 2,1m² và phải tháo dỡ phần bức tường đầu hồi nhà cấp 4 và tường bán mái xây dựng trên diện tích đất đã lấn chiếm. Diện tích đất tranh chấp có địa chỉ tại khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hòa Bình. Sự việc đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân thị trấn C đúng quy định. Tòa án nhân dân huyện C xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp quyền sử dụng đất để thụ lý và giải quyết theo đúng quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của ông Đ và bà H trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.3]. Bà L, ông Đ, bà H, ông S có mặt. Chị T và anh H1 có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Bà Phạm Thị L cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 874082, số vào sổ cấp GCN: 01077 do Ủy ban nhân dân huyện K nay là Ủy ban nhân dân huyện C), tỉnh Hòa Bình cấp ngày 28/01/2002 để yêu cầu ông Đ và bà H tháo dỡ phần bức tường đầu hồi nhà cấp 4 và tường bán mái xây dựng trên diện tích đất lấn chiếm để trả lại cho bà L 2,1m² đất lấn chiếm. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận đơn khởi kiện của bà L. Ông Đ và bà H kháng cáo không đồng ý toàn

bộ nội dung bản án dân sự sơ thẩm.

[2.2]. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hồng Đ, bà Nguyễn Thị H. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.2.1]. Căn cứ vào các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà L là người có quyền sử dụng đối với thửa đất số 66, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Hồng Đ là người có quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 67. Hai thửa đất trên tiếp giáp với nhau, hiện nay đang tranh chấp một phần diện tích là $2,1m^2$ (theo biên bản trích đo của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hòa Bình). Nguồn gốc của 02 thửa đất này, diện tích ban đầu được cấp đối với thửa 66 là $117m^2$, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 09826 ngày 08/6/1994 mang tên Đỗ Thị P, năm 1998 bà L nhận chuyển nhượng của chị Đỗ Thị P diện tích đất nêu trên. Đến năm 2002, bà L thực hiện việc cấp đổi đối với thửa đất số 66 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích là $147,5m^2$. Đối với thửa 67 cũng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1994 với diện tích là $117m^2$ mang tên ông Nguyễn Huy T1, năm 2000 bà H, ông Đ nhận chuyển nhượng thửa đất 67, đến năm 2002 ông Đ, bà H thực hiện cấp đổi, khi đo đạc được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích là $119,8m^2$.

Đối chiếu với sổ mục kê và trích lục bản đồ tại Ủy ban nhân dân thị trấn C diện tích kê khai và diện tích cấp Giấy chứng nhận của 02 thửa đất trên là trùng khớp không có sai lệch, phù hợp với ý kiến của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C về việc năm 2002 Ủy ban nhân dân huyện đã có kế hoạch đo đạc bằng máy và khi đo đạc đã có chữ ký của chủ hộ và giáp danh, liền kề vì hồ sơ gốc bìa cấp năm 1994 không thể hiện được số liệu cụ thể của các cạnh thửa đất mà chỉ xác định được tổng diện tích sử dụng của thửa đất là $117m^2$ vì vậy diện tích cụ thể căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2002 đối với thửa đất số 66 và thửa đất số 67.

Theo hồ sơ trong vụ án, thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002 được thực hiện trên cơ sở các bên đã được làm đơn kê khai diện tích, chứng kiến việc đo đạc, ký giáp ranh rõ ràng (bút lục 111, 112, 115, 118). Buổi hòa giải tại Ủy ban nhân dân thị trấn C ngày 19/3/2021, ông Đà, bà H công nhận là có lấn sang diện tích thửa đất số 66 của bà L, trên diện tích lấn chiếm ông Đ, bà H đã xây nhà và hứa sẽ tháo dỡ công trình để trả lại đất cho bà L, nhưng sau đó ông Đ, bà H không thực hiện. Tại biên bản thẩm định ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện C và kết quả trích đo ngày 06/12/2023 và công văn trả lời ngày 02/12/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Hòa Bình cung cấp thì diện tích

đất xây dựng thực tế mà thửa số 67 lấn chiếm sang thửa số 66 là 2,1m². Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc ông Đ, bà H trả lại cho bà L diện tích 2,1m² là có căn cứ.

Việc Ông S rằng khi thực hiện việc cấp đổi do ông Đ, bà H biết pháp luật còn hạn chế nên cơ quan có thẩm quyền bảo ký và ghi như nào thì làm như thế, bản thân ông Đ khi nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2002 ông Đ, bà H không kiểm tra lại diện tích là không có cơ sở, không phải là căn cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S, ông Đ, bà H không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho nội dung kháng cáo này nên không có căn cứ chấp nhận.

[2.2.2]. Đối với yêu cầu tháo dỡ phần bức tường đầu hồi nhà cấp 4 và tường bán mái xây dựng trên phần đất được lấn chiếm. Thấy rằng, khi xây dựng ngôi nhà cấp 4 và bán mái trên phần đất đang có tranh chấp, ông Đ, bà H không xin cấp phép xây dựng tại chính quyền địa phương, khi xây bà L đi làm ăn xa tại Miền nam không biết. Quá trình giải quyết vụ án, các bên không thống nhất thỏa thuận được với nhau. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H, ông Đ tháo dỡ bức tường đầu hồi nhà và tường bán mái trên diện tích đất lấn chiếm là có cơ sở.

[2.2.3]. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, căn cứ Điều 147 và Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự, ông Đ, bà H nộp án phí và phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí đo đạc cho bà L căn cứ.

Từ những nhận định mục [2.2.1], [2.2.2] và [2.2.3], không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hồng Đ, bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hòa Bình.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Hồng Đ, bà Nguyễn Thị H nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Nguyễn Hồng Đ, bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 16/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hòa Bình.

2. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Hồng Đ nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được đối trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002871 ngày 06/2/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hòa Bình. Ông Đ nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị H nộp mỗi người là 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (03/04/2025)./

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện C;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Liễu

